

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phan Thị Thu Hồng

2. Ngày tháng năm sinh: 30/10/1982; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Yên Nam, Duy Tiên, Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):
P1202, tòa nhà Sunrise building IIIB, phố Nguyễn Lam, Tổ 8, Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): B12B14, FPT Plaza 1, đường Hoàng Minh Thắng, khu đô thị FPT, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0966083382;

E-mail: hongptvn@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2004 đến 08/2019: Giảng viên tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam (trước đây là Trường Đại học Nông nghiệp I (giai đoạn 1967-2008); giai đoạn 2008–2014 là Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội)

Từ 09/2008 đến 07/2010: Học thạc sĩ tại Trường Đại học Lyon I, Cộng hòa Pháp

Từ 09/2015 đến 11/2018: Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Littoral, Cộng hòa Pháp

Từ 08/2019 đến 02/2022: Phó trưởng khoa tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Từ 03/2022 đến 10/2022: Giảng viên tại Phân hiệu trường Đại học FPT tại thành phố Đà Nẵng

Từ 11/2022 đến 06/2025: Chủ nhiệm bộ môn tại Phân hiệu trường Đại học FPT tại thành phố Đà Nẵng
Chức vụ hiện nay: Chủ nhiệm bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa
Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Trí tuệ nhân tạo - Phân hiệu trường Đại học FPT tại thành phố Đà Nẵng

Địa chỉ cơ quan: Khu Đô thị FPT, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 23 tháng 06 năm 2004, số văn bằng: QC 025376, ngành: Toán-Tin ứng dụng, chuyên ngành: Toán-Tin ứng dụng

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 18 tháng 10 năm 2010, số văn bằng: LYONI 8218063, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin và Web

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Lyon I, Cộng hòa Pháp

- Được cấp bằng TS [5] ngày 19 tháng 10 năm 2018, số văn bằng: LITTORA 11634329, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Tự động hóa, khóa học máy tính, xử lý tín hiệu và xử lý ảnh

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Littoral, Cộng hòa Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phân tích chuỗi thời gian
- Nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào giải quyết các bài toán trong nông nghiệp và thủy lợi

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Nhà nước; 2 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 37 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Danh hiệu Giỏi việc trường đảm việc nhà 2005-2008	Trường Đại học Nông nghiệp I (Số 45/QĐ-CD)	2008
2	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (QĐ số 2018/QĐ-NNH)	2012 - 2013
3	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Học viện Nông nghiệp Việt Nam (QĐ số 4176/QĐ-HVN)	2019 - 2020
4	Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2018-2019 và năm học 2019-2020	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (QĐ số 3484/QĐ-BNN-TCCB)	2021
5	Giảng viên xuất sắc học kì hè 2022	Trường Đại học FPT (QĐ số 15/QĐ-ĐHFPT2)	2022
6	Chủ nhiệm bộ môn Trí tuệ nhân tạo – Cán bộ giáo dục xuất sắc FE - Năm 2022	Trường Đại học FPT (QĐ số 1202/QĐ-ĐHFPT)	2022
7	Chủ nhiệm bộ môn Trí tuệ nhân tạo – Cán bộ giáo dục xuất sắc FE - Năm 2023	Trường Đại học FPT (QĐ số 75/QĐ-ĐHFPT)	2023
8	Hoa hậu tổ chức giáo dục FPT (Cá nhân xuất sắc nhất – Best Employee of The Year) - Năm 2024	Trường Đại học FPT (QĐ số 12/QĐ-ĐHFPT)	2024

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về phẩm chất, đạo đức và thái độ công tác: Ứng viên có lối sống lành mạnh, luôn giữ gìn và phát huy phẩm chất đạo đức của nhà giáo trong công việc và đời sống. Luôn hòa đồng, hợp tác, tôn trọng đồng nghiệp và người học; sẵn sàng hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người học và đồng nghiệp; trung thực trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Về nâng cao năng lực chuyên môn: Luôn chú trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, thường xuyên cập nhật kiến thức. Ứng viên đã hoàn thành chương trình thạc sĩ (2008–2010) tại trường Đại học Lyon I và chương trình tiến sĩ (2015–2018) tại trường Đại học Littoral, Cộng hòa Pháp.

Về nhiệm vụ giảng dạy: Ứng viên nghiêm túc chấp hành các quy định trong công tác giảng dạy; tích cực tham gia xây dựng chương trình đào tạo; luôn đổi mới phương pháp giảng dạy và truyền đạt kiến thức. Đồng thời, ứng viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ của cán bộ giảng dạy cũng như hướng dẫn sinh viên, học viên thực hiện đồ án tốt nghiệp và luận văn thạc sĩ.

Đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Ứng viên luôn chủ động và tích cực trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn từ tháng 3/2021 đến tháng 1/2022, ứng viên là chủ nhiệm đề tài cấp quốc gia mã số KC4.0-20/19-25; sau khi chuyển đơn vị công tác, ứng viên tiếp tục tham gia đề tài này với vai trò thành viên chính. Ngoài ra, ứng viên đã chủ trì 02 đề tài cấp cơ sở và tham gia 04 đề tài cấp cơ sở khác. Tính đến nay, ứng viên đã công bố tổng cộng 37 công trình khoa học, bao gồm 12 bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín (trong đó có 6 bài thuộc SCIE Q1, 3 bài SCIE Q2, 1 bài ESCI Q3, 1 bài Scopus Q3, 1 bài Scopus Q4) và 1 bài được công nhận bởi Hội đồng Giáo sư Nhà nước, 9 bài báo hội nghị quốc tế thuộc danh mục Web of Science và Scopus, 13 bài báo hội nghị quốc tế khác trong danh mục Scopus, cùng 2 gói phần mềm R đã được xuất bản trên hệ thống CRAN. Theo thống kê từ Google Scholar, ứng viên hiện có chỉ số h-index là 11 với tổng số trích dẫn đạt 717.

Các hoạt động chuyên môn khác: Ứng viên tích cực tham gia các hoạt động trong cộng đồng học thuật:

- Tham gia tổ chức Hội nghị quốc tế ICIT 2024 (International Conference on Intelligent Technology), chủ trì seminar chia sẻ kết quả nghiên cứu tại Khoa và Bộ môn; tham gia tổ chức cuộc thi HackAIthon nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào thực tiễn; hướng dẫn sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học.
- Tham gia phản biện cho các tạp chí quốc tế uy tín như: Pattern Recognition, EURASIP Journal on Audio, Speech and Music Processing, cũng như các tạp chí khoa học trong nước như: Vietnam Journal of Agricultural Sciences, Ho Chi Minh City Open University Journal of Science.
- Là thành viên Ban chương trình hoặc Ủy ban khoa học của nhiều hội nghị quốc tế chuyên ngành trong lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo, Xử lý tín hiệu và Ứng dụng công nghệ thông minh, bao gồm: MAPR

(từ năm 2020), ICIT (từ năm 2022), SoICT (từ năm 2023), ICAMCS (2024), IAAA (2025), MIWAI (2025).

- Là đồng khách mời biên tập (Co-Guest Editor) cho số đặc biệt "Intelligent and Scalable Big Data Solutions for Smart and Sustainable Futures", tạp chí Computers, Materials & Continua (NXB Tech Science Press), dự kiến phát hành năm 2026.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm 9 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020					167	45	212/346.8/202.5
2	2020-2021			1		273		273/332/202.5
3	2021-2022			1		271		271/363.5/236.25
03 năm học cuối								
4	2022-2023					270		270/270/270
5	2023-2024			2		405		405/473/270
6	2024-2025					360		360/405/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Ứng viên học ThS và TS tại Cộng hòa Pháp trong đó luận văn TS ứng viên viết bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trương Thị Hoa		X	X		08/2020 đến 08/2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	01/12/2021
2	Nguyễn Thị Thu		X	X		09/2021 đến 04/2022	Học viện Kỹ thuật Quân sự	03/06/2022
3	Hoàng Thị Hương		X	X		09/2023 đến 04/2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	20/06/2024
4	Trần Minh Nghiệp		X	X		10/2023 đến 06/2024	Học viện Kỹ thuật Quân sự	16/07/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Xây dựng hệ thống eleanring: Tùy chỉnh các mặt khác nhau của nguồn tài nguyên đề xuất cho người học dựa trên hồ sơ người học (phiên bản Demo)	CN	T2012-10-32, cấp Cơ sở	01/01/2012 đến 01/12/2012	14/4/2014. Kết quả nghiệm thu, xếp loại: Khá
2	Nghiên cứu phân lớp dữ liệu biểu hiện gen sử dụng mô hình rừng ngẫu nhiên	CN	T2015-08-23, cấp Cơ sở	01/05/2015 đến 01/05/2016	22/2/2016. Kết quả nghiệm thu, xếp loại: Khá
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 vào quản lý sản xuất sản phẩm mật ong phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước	CN	KC-4.0-20/19-25, cấp Nhà nước	01/03/2021 đến 30/08/2024	15/12/2024. Kết quả nghiệm thu: Đạt (Ứng viên

					là CN từ 3/2021- 1/2022; là TVC từ 1/2022 do UV chuyên công tác)
--	--	--	--	--	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Comparative Study on Vision Based Rice Seed Varieties Identification	6	Có	Proc. KSE 2015 / 978-1-4673-8013-3	IF: Hội nghị quốc tế index Web of Science & Scopus	69	Trang 377-382	01/2016
2	Comparative Study on Supervised Learning Methods for Identifying Phytoplankton Species	3	Có	Proc. ICCE 2016 / 978-1-5090-1801-7	IF: Hội nghị quốc tế index Web of Science & Scopus	21	Trang 283-288	09/2016
3	Which DTW Method Applied to Marine	4	Có	Proc. OCEANS 2017 / 978-1-5090-5278-3	IF: Hội nghị quốc tế index Web	3	Trang 1-7	10/2017

	Univariate Time Series Imputation				<i>of Science & Scopus</i>			
4	DTW-Approach For Uncorrelated Multivariate Time Series Imputation	4	Có	Proc. MLSP 2017 /978-1-5090-6341-3	<i>IF: Workshop hội nghị rank B2 (bảng xếp hạng Qualis) index Web of Science & Scopus</i>	6	Trang 1-6	12/2017
5	Dynamic Time Warping-based imputation for univariate time series data	4	Có	J. Pattern Recognition Letters / 01678655	Có - SCIE <i>IF: 1.995, Q2</i>	108	Tập 139, Trang 139-147	08/2017
6	Comparative Study on Univariate Forecasting Methods for Meteorological Time Series	3	Có	Proc. EUSIPCO 2018 / 978-9-0827-9701-5	<i>IF: Hội nghị quốc tế rank B (xếp hạng ERA)/ B1 (Qualis) index Web of Science & Scopus</i>	27	Trang 2380-2384	12/2018
7	DTWBI: Imputation of Time Series Based on Dynamic Time Warping (R-package)	3	Không	CRAN – The Comprehensive R Archive Network	<i>IF: R-package</i>			07/2018
8	DTWUMI: Imputation of Multivariate	3	Không	CRAN – The Comprehensive R Archive Network	<i>IF: R-package</i>			07/2018

	Time Series Based on Dynamic Time Warping (R-package)							
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
9	eDTWBI: Effective Imputation Method for Univariate Time Series	3	Có	Advances in Intelligent Systems and Computing / 2194-5357	<i>IF: Hội nghị quốc tế index Web of Science & Scopus</i>	7	Tập 1121 Trang 121–132	12/2019
10	Combining statistical machine learning models with ARIMA for water level forecasting: The case of the Red river	2	Có	J. Advances in Water Resources / ISSN 0309-1708	Có - SCIE <i>IF: 4.016, Q1</i>	179	Tập 142	08/2020
11	Machine Learning for Univariate Time Series Imputation	1	Có	Proc. MAPR 2020 / 978-1-7281-6555-4	- Scopus	32	Trang 1-6	11/2020
12	Monitoring Water Quality in Lien Son Irrigation System of Vietnam and Identification of Potential Pollution	9	Không	J. Water, Air and Soil Pollution / 00496979, 15732932	Có - SCIE <i>IF: 2.52, Q2</i>	10	Tập 232	04/2021

	Sources by Using Multivariate Analysis							
13	Evaluation of Feature Extraction Methods for Bee Audio Classification	3	Có	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies / 978-3-031-15063-0	- Scopus IF: ; Q3	6	Tập 148 Trang 194–203	08/2022
14	Investigation on new Mel frequency cepstral coefficients features and hyper-parameters tuning technique for bee sound recognition	5	Có	J. Soft Computing / 14327643, 14337479	Có - SCIE IF: 3.732, Q2	17	Tập 27 Trang 5873–5892	10/2022
15	The Use of Machine Learning Algorithms for Evaluating Water Quality Index: A Survey and Perspective	5	Có	Proc. MAPR 2022/ 978-1-6654-7410-8	- Scopus	9	Trang 1-6	10/2022
16	Predicting Water Quality Index (WQI) by feature selection and	9	Không	J. Ecological Informatics/ 15749541	Có - SCIE IF: 5.9, Q1	110	Tập 74	05/2023

	machine learning: A case study of An Kim Hai irrigation system							
17	Genetic Programming for Bee Audio Classification	3	Không	Proc. ICIIT 2023 / 978-1-4503-9961-6	<i>IF: Hội nghị quốc tế index Web of Science & Scopus</i>	1	Trang 246 - 250	07/2023
18	Investigating YOLO Models for Rice Seed Classification	3	Có	Lecture Notes in Networks and Systems/ 978-3-031-36886-8	- Scopus <i>IF: , Q4</i>	1	Tập 734 Trang 181–192	07/2023
19	A Comparison of Deep Learning Models for Predicting Calcium Deficiency Stage in Tomato Fruits	4	Không	Lecture Notes in Networks and Systems/ 978-981-99-4725-6	- Scopus <i>IF: , Q4</i>		Tập 752 Trang 648–657	08/2023
20	A Robust Multiple Honeybee Tracking Method from Videos Captured at Beehive Entrance	6	Không	Proc. MAPR 2023 / 979-8-3503-2741-0	- Scopus	1	Trang 1-6	10/2023
21	Investigating Ensemble Learning	2	Có	Lecture Notes on Data Engineering and	- Scopus <i>IF: , Q3</i>	1	Tập 188 Trang 3-12	10/2023

	Methods for Predicting Water Quality Index			Communications Technologies / 978-3-031-46749-3				
22	A deep learning-based approach for bee sound identification	6	Có	J. Ecological Informatics/ 15749541	Có - SCIE IF: 5.9, Q1	21	Tập 78	12/2023
23	Evaluating Audio Feature Extraction Methods for Identifying Bee Queen Presence	5	Có	Proc. SOICT 2023 / 978-1-4503-9851-2	- Scopus	4	Trang 93-100	12/2023
24	Monitoring the Absence of Queen Bee in the Hive Using Deep Learning and Hilbert Transform	6	Không	ASEAN Engineering Journal / ISSN: 2735-0090	Có - Scopus IF: , Q4		Tập 14	03/2024
25	A novel method for identifying rice seed purity using hybrid machine learning algorithms	3	Có	J. Heliyon / 24058440	Có - SCIE IF: 3.6, Q1	4	Tập 10	07/2024
26	Improving pollen-bearing honey bee detection from	9	Không	J. Ecological Informatics/ 15749541	Có - SCIE IF: 7.3, Q1	7	Tập 82	09/2024

	videos captured at hive entrance by combining deep learning and handling imbalance techniques							
27	Time Efficiency Improvement for Rice Seed Identification Using Hybrid Machine Learning Models and Principal Component Analysis	4	Có	Lecture Notes in Networks and Systems/ 978-981-97-5504-2	- Scopus IF: , Q4		Tập 1077 Trang 308-317	09/2024
28	Synergistic Mel-Frequency Cepstral Coefficients and Short-Time Fourier Transform for Enhanced Bee States Detection Using Machine Learning	1	Có	Communications in Computer and Information Science/ 978-981-97-9616-8	- Scopus IF: , Q4		Tập 2191 Trang 166-177	11/2024
29	Enhancing Imputation Performance in Univariate	3	Có	Proc. ICCE Asia 2024 / 979-8-3315-3083-9	- Scopus		Trang 1-4	11/2024

	Time Series Using Gated Recurrent Unit							
30	Local Binary Patterns for Classifying Pistachio Species	2	Có	Proc. ICCE-Asia 2024/ 979-8-3315-3083-9	- Scopus		Trang 1-4	12/2024
31	Short-Time Fourier Transform for Detecting the Queen Bee State	7	Có	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies / ISBN 978-3-031-75596-5	<i>IF: Hội nghị quốc tế index Web of Science & Scopus</i>	1	Tập 230 Trang 13–22	12/2024
32	Leveraging Diverse Handcrafted Features for Improved Rice Seed Recognition: A Step Toward Precision Agriculture	3	Có	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies / 978-3-031-75596-5	<i>IF: Hội nghị quốc tế index Web of Science & Scopus</i>	1	Tập 230 Trang 55-64	12/2024
33	WBDI Approach for Univariate Time Series Imputation	5	Có	Informatica/ 03505596, 18543871	Có - Scopus <i>IF: , Q3</i>		Tập 48	12/2024
34	A method for bee activities recognition from videos captured at the	3	Không	Journal of Military Science and Technology/ ISSN 1859-1043	<i>IF: Tạp chí trong nước (được hội đồng chức danh Giáo</i>		CSCE8	12/2024

	beehive entrance				<i>sur nhà nước công nhận)</i>			
35	Predicting Bee Swarming: Leveraging Machine Learning and Audio Feature Extraction	2	Có	Communications in Computer and Information Science / 978-981-96-4285-4	- Scopus IF: , Q4		Tập 2351 Trang 188-198	04/2025
36	Enhancing rice seed purity recognition accuracy based on optimal feature selection	2	Có	J. Ecological Informatics/ 15749541	Có - SCIE IF: 7.3, Q1		Tập 86	05/2025
37	A Novel 1D-DenseNet-like Architecture for Enhanced Raisin Grain Classification	1	Có	J. Vietnam Journal of Computer Science, ISSN 2196-8888	Có - ESCI IF: 1.1, Q3			06/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 7 ([10] [14] [22] [25] [33] [36] [37])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Ngành Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	Tham gia	Quyết định về việc thành lập các Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và đề án mở ngành trình độ đại học số 2983/QĐ-HVN ngày 21 tháng 8 năm 2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam (QĐ số 4231/QĐ-HVN ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc thành lập các HĐ thẩm định)	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học số 4969/QĐ-HVN ngày 25 tháng 12 năm 2020	Soạn thảo chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và đề án mở ngành trình độ đại học

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)